

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 36/2026/DS-ST
Ngày 03 - 04 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 540/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST- DS ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K (K1); Trụ sở: 40-42-44 P, phường R, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: D Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Văn T - Trợ lý Quản lý KHCN kiêm Trợ lý Quản lý K2 (Quyết định số 187/QĐ-CT.HĐQT ngày 21/8/2025 của Chủ tịch HĐQT uỷ quyền ký kết hợp đồng, hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ và Quyết định số 2562/QĐ-NHKL ngày 15/9/2025 uỷ quyền phê duyệt, hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ trả góp ngày, nợ tín chấp, nợ thẻ tín dụng của Phó Giám đốc Khối quản trị rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ). Ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1997; địa chỉ: H Mẹ N, Tổ A TKT phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:**

Ngân hàng TMCP K cho ông Nguyễn L vay vốn theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 001/25/TC/0501-15527 ngày 02/01/2025: Hạn mức 30.000.000đ, loại thẻ JCB CLASS - KHONG TSBD, mục

đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế; Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế và các điều khoản khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông **L** đã trả 6.557.393đ nợ gốc, 228.259đ nợ lãi; sau đó không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 07/6/2025. **K1** đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông **L** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 31/3/2026, ông **Nguyễn L** còn nợ **K1** số tiền là 32.514.023đ (Ba mươi hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 24.402.607đ, nợ lãi 8.111.416đ.

Ngân hàng xin rút yêu cầu trả phí phạt chậm trả 3.293.381đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, **Ngân hàng TMCP K** yêu cầu ông **Nguyễn L** phải thanh toán tổng số tiền nêu trên. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 01/4/2026 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông **Nguyễn L** thanh toán hết nợ cho **K1**.

* **Bị đơn ông Nguyễn L** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông **Nguyễn L** vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 103 và điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông **Nguyễn L**.

Buộc ông **Nguyễn L** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 32.514.023đ (Ba mươi hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 24.402.607đ, nợ lãi 8.111.416đ và lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi ông **L** trả hết nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** đối với yêu cầu trả phí phạt chậm trả là 3.293.381đ.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn L thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; ông Nguyễn L cung cấp địa chỉ tại H Mẹ N, Tổ A TKT phường T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ông Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn L vay vốn tại Ngân hàng TMCP K theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 001/25/TC/0501-15527 ngày 02/01/2025: Hạn mức 30.000.000đ, loại thẻ JCB CLASS - KHONG TSBD, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế; Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế và các điều khoản khác.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông L chỉ trả được 6.557.393đ nợ gốc, 228.259đ nợ lãi; sau đó không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 07/6/2025. K1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này K1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 103 và điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được HĐXX chấp nhận buộc ông L phải thanh toán cho Ngân hàng

TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 32.514.023đ (Ba mươi hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 24.402.607đ, nợ lãi 8.111.416đ.

Kể từ ngày 01/4/2026 ông **L** phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 001/25/TC/0501-15527 ngày 02/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **K1**.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện trả phí phạt chậm trả:

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc ông **L** phải trả phí phạt chậm trả 3.293.381đ. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 100, khoản 1 Điều 103 và điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của **Ngân hàng TMCP K** đối với ông **Nguyễn L**.

Buộc ông **Nguyễn L** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 32.514.023đ (Ba mươi hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 24.402.607đ, nợ lãi 8.111.416đ.

Kể từ ngày 01/4/2026 ông Nguyễn L phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 001/25/TC/0501-15527 ngày 02/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho K1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về buộc ông Nguyễn L phải trả phí phạt chậm trả 3.293.381đ (Ba triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi một đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.626.000đ (Một triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) ông Nguyễn L phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 756.065đ (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0005533 ngày 14/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 03/4/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Diệp

